

DẤU ẤN LIÊN VĂN HÓA TRONG DU KÍ VIỆT NAM ĐẦU THẾ KỈ XX

Mai Thị Vân¹

TÓM TẮT

Bài viết vận dụng lý thuyết liên văn hóa để phân tích dấu ấn giao thoa văn hóa trong du kí Việt Nam đầu thế kỉ XX. Trên cơ sở khái quát những vấn đề lí thuyết về du kí và liên văn hóa, nghiên cứu tập trung làm rõ quá trình đối thoại, tiếp nhận và phản tỉnh văn hóa thể hiện trong các tác phẩm tiêu biểu. Du kí thời kì này không chỉ phản ánh nhận thức của người Việt khi tiếp xúc văn hóa phương Tây, mà còn thể hiện sự tự ý thức về bản sắc dân tộc. Ở phương diện nghệ thuật, sự đa dạng về người kể chuyện, điểm nhìn và ngôn ngữ (chữ Hán, quốc ngữ, tiếng Pháp) cho thấy tính hỗn dung, đối thoại và sáng tạo. Qua đó, du kí đầu thế kỉ XX hiện lên như một không gian văn hóa mở, phản ánh tinh thần đối thoại và tiếp biến, đồng thời đặt nền móng cho quá trình hiện đại hóa văn học Việt Nam.

Từ khóa: Liên văn hoá, du kí, đối thoại văn hoá, Việt Nam đầu thế kỉ XX.

DOI: <https://doi.org/10.70117/hdujs.82.12.2025.1049>

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Đầu thế kỉ XX, văn học Việt Nam bước vào giai đoạn chuyển mình mạnh mẽ dưới tác động của quá trình tiếp xúc và giao thoa văn hóa với các quốc gia phương Đông và phương Tây. Sự hiện diện của văn hóa Tây phương không chỉ ảnh hưởng sâu rộng đến đời sống xã hội, mà còn được phản ánh rõ nét trong các tác phẩm văn học, đặc biệt là du kí. Du kí Việt Nam giai đoạn này vượt xa những ghi chép về hành trình và trải nghiệm cá nhân đơn thuần, trở thành tấm gương phản chiếu sự gặp gỡ và xung đột văn hóa, từ đó khắc họa dấu ấn liên văn hóa độc đáo. Các tác giả không chỉ tái hiện hiện thực mà còn gửi gắm những cảm nhận, đánh giá sâu sắc về sự khác biệt văn hóa, biến du kí thành kênh đối thoại liên văn hóa hiệu quả. Đồng thời, du kí đóng vai trò như một tư liệu lịch sử, văn hóa quý giá, minh chứng cho sự chuyển biến trong tư duy và nhận thức của người Việt Nam về thế giới bên ngoài.

Có khá nhiều học giả đã nghiên cứu vấn đề liên văn hóa trong văn học Việt Nam như Nikulin N.I. với *Sự phản ánh những mối giao tiếp văn hóa với châu Âu trong văn học Việt Nam thế kỉ XVII đến giữa thế kỉ XIX* [21]; Trần Nho Thìn với *Đối thoại liên văn hóa trong thời đại toàn cầu hóa và vấn đề tiếp nhận lý luận văn học phương Tây ở Việt Nam* [13]; Nguyễn Hữu Tình và Lê Minh Kha với *Tích hợp văn hóa - phương pháp tiếp cận tác phẩm văn học sáng tạo* [14]... Trong cùng mạch nghiên cứu đó, du kí Việt Nam cũng được nhiều nhà nghiên cứu quan tâm với các hướng tiếp cận đa dạng. Nguyễn Hữu Sơn có nhiều công trình đáng chú ý như: *Du Ký Việt Nam tập 1* [9]; *Du Ký Việt Nam tập 3* [10]; *Phạm Quỳnh -*

¹ Nghiên cứu sinh Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh; Email. mtvan@agu.edu.vn.

tuyển tập du ký [8]; *Du ký của người Việt Nam viết về các nước và những đóng góp vào quá trình hiện đại hóa văn xuôi tiếng Việt giai đoạn thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX* [11]; Lê Tú Anh với *Bán đảo Đông Dương - Giao lưu khu vực và quốc tế đầu thế kỉ XX qua du ký của Phạm Quỳnh*, hay Nguyễn Hữu Lễ và *Vấn đề thể tài du ký Việt Nam nửa đầu thế kỉ XX* [6]. Đặc biệt, Nguyễn Thúy Hằng với *Giá trị văn hóa và văn học của du ký (khảo sát qua sách Du ký Việt Nam* [3] ... cũng tiếp cận du ký từ góc nhìn văn hóa. Nhìn chung, các công trình trên tiếp cận du ký từ góc nhìn văn hóa song chưa vận dụng lý thuyết liên văn hóa để lý giải sự đối thoại giữa các nền văn hóa trong du ký đầu thế kỉ XX. Bài viết này hướng đến phân tích các yếu tố liên văn hóa trong du ký Việt Nam giai đoạn này, làm rõ quá trình đối thoại, giao thoa và tiếp biến giữa các nền văn hóa trong văn học Việt Nam thời kì đầu thế kỉ XX.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Bài báo sử dụng kết hợp nhiều phương pháp nghiên cứu. Trước hết, phương pháp lịch sử - văn học được vận dụng để tái hiện bối cảnh giao lưu văn hóa Đông - Tây giai đoạn 1900 - 1945, đặt các văn bản du ký vào mối quan hệ nhân quả với sự kiện lịch sử - xã hội.

Tiếp đến, phương pháp phân tích - so sánh văn bản được triển khai để khảo sát ngôn ngữ, hình tượng và cấu trúc tự sự trong du ký, đồng thời đối chiếu với diễn ngôn du ký phương Tây và Á Đông, qua đó làm rõ sự giao thoa và sáng tạo của văn hóa bản địa. Ngoài ra, bài báo còn áp dụng cách tiếp cận liên ngành để giải thích du ký như một thực hành văn hóa, cũng như sử dụng phân tích diễn ngôn để nhận diện điểm nhìn, giọng điệu và chiến lược biểu đạt liên văn hóa của tác giả.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

3.1. Khái niệm du ký và liên văn hóa

3.1.1. Khái niệm Du ký

Du ký là một thể loại văn học đặc thù. Các học giả Đông Âu như Aksenova trong bài viết *Travelogue: Travelling of the genre and the genre of travelling. Actual Problems of Philology and Pedagogical Linguistics* [18] và Zalomkina trong bài viết *Transformations of the travelogue genre in the essays by A. Ulanov* [24] xác định du ký phát triển từ “ghi chép hành trình” (travel notes) và ngày càng chuyển dịch về tự sự phản tư. Plavina trong nghiên cứu *Travelogue genre characteristics in the English discourse: Dynamic aspect. Philological Sciences. Questions of Theory and Practice* [23] đã nhấn mạnh ba đặc điểm trung tâm của du ký gồm nội dung hành trình, cấu trúc tự sự và mục đích giao tiếp. Ở Việt Nam, *Từ điển thuật ngữ văn học* định nghĩa “du ký là thể loại ghi lại những điều tai nghe mắt thấy và cảm nghĩ của người viết trong các cuộc đi xa” [2; tr.95]. Hay trong *Giáo trình Lý luận văn học*, Trần Đình Sử xác định “du ký là một thể văn xuôi tự sự, phản ánh hiện thực thông qua lăng kính trải nghiệm cá nhân của người viết trong hành trình thực địa” [12; tr.356]. Như vậy, có thể hiểu du ký là một thể loại thuộc loại hình văn xuôi tự sự phi hư cấu, phản ánh hành trình khám phá thế giới và đối thoại giữa cái tôi cá nhân với các không gian văn hóa khác biệt, vừa mang giá trị tư liệu, vừa giàu ý nghĩa thẩm mỹ và nhận thức.

3.1.2. Khái niệm Liên văn hóa

Thuật ngữ *liên văn hóa* xuất hiện vào cuối thế kỉ XX trong bối cảnh toàn cầu hóa và giao lưu văn hóa quốc tế ngày càng sâu rộng. Khác với “đa văn hóa”, nhấn mạnh sự đồng hiện của nhiều nền văn hóa, “liên văn hóa” tập trung nhấn mạnh mối quan hệ tương tác, đối thoại và ảnh hưởng qua lại giữa các nền văn hóa khác nhau.

Theo Ram Adhar Mall, “liên văn hoá có nghĩa là một quá trình mang tính giải phóng khỏi mọi dạng thức của thuyết trung tâm [...]. Tinh thần liên văn hoá tán thành tính đa dạng và sự khác biệt như là những giá trị mà không coi chúng như một sự thiếu hụt tính thuần nhất và tính đồng dạng. Tinh thần liên văn hoá là nguồn gốc của thái độ chấp nhận tính đa dạng” [20; tr.20].

Trong văn học, lí thuyết liên văn hóa được vận dụng để lí giải sự chuyển dịch từ góc nhìn dân tộc sang nhân loại, thể hiện qua hiện tượng giao thoa, tiếp biến trong nội dung, hình tượng, biểu tượng và giọng điệu tác phẩm. Nghiên cứu văn học dưới góc độ liên văn hóa vì thế nhấn mạnh năng lực đối thoại và hội nhập của văn học trong dòng chảy đa nguyên của thời đại. Do đó, quá trình vận động, tiếp biến, chuyển mình từ thể du kí truyền thống sang du kí hiện đại trong du kí Việt Nam đầu thế kỉ XX cũng trở thành hiện tượng văn học mang dấu ấn liên văn hóa tương đối rõ nét.

3.2. Đối thoại - nhận thức sự thay đổi văn hoá trong các cuộc du ngoạn trong nước

Trong một góc nhìn khác, du kí không chỉ là những góc nhìn trong các chuyến viễn du thăm thú nước ngoài mà còn là những điều mắt thấy, tai nghe khi du ngoạn trong nước. Quá trình đối thoại văn hóa cũng diễn ra trong trường hợp này. Đó là khi, các tác giả nhìn thấy, chứng kiến những sự tồn tại của văn hóa phương Tây trong đời sống dân tộc như: việc sử dụng các câu ngôn ngữ châu Âu để chêm xen vào bài văn hay vận dụng cách nhìn và tư duy phê bình mới mẻ ... Biểu hiện ấy chính là một cách tiếp nhận trong cuộc đối thoại với văn hóa phương Tây. Chẳng hạn, trong “Mười ngày ở Huế”, khi nhắc đến Đèo Ngang, Phạm Quỳnh lí giải: “Núi Đèo Ngang tức tên chữ là Hoành Sơn. Ta thường dùng nhầm chữ Hoành Sơn mà dịch tên tây Chaine Annamitique gồm cả cái dãy núi dài chạy dọc suốt Trung Kỳ, theo lưu vực sông Cửu Long...” [10; tr.27]. Hay việc mượn cổ ngữ, quan niệm Âu châu cũng là một cách vận dụng, tiếp nhận văn hóa rất mới mà du kí thế kỉ trước không phổ biến. Từ câu cổ ngữ “Trăm con đường đều quay đầu về thành La Mã” [10; tr.31], tác giả đã lí giải, đồng thời suy nghĩ tới vấn đề dân tộc: “Quốc hồn của Việt Nam ta ngày nay phải tìm ở đâu cho thấy? Thiết tưởng phi ở Huế không đâu thấy vậy” [10; tr.31]. Hay trong bài du kí *Trẩy chùa Hương*, tác giả Thượng Chi có đoạn nhận định rằng: “Nước ta từ xưa đến nay ngoài quan quyền không có gì là kỷ luật... Nay như muốn nghiên cứu về Phật giáo ở nước Nam hiện bây giờ, xét riêng về phẩm trật các tăng đồ, thật không biết lấy đâu làm bằng cứ. Nhiều nhà bác học phương Tây thường lấy làm lạ rằng nước mình theo đạo Phật mà Phật giáo ở đây không có thành giáo hội, không có đặt chế độ gì, không có trung ương để quản trị cả giáo đoàn, không có một bậc giáo chủ hay là giáo trưởng để giám đốc hết thảy...” [10; tr.195]. Đây là góc nhìn chịu ảnh hưởng tư duy tổ chức, quy củ theo mô hình phương Tây mà tác giả mong muốn áp dụng cho nước ta. Tuy nhiên, trong quá trình đối thoại văn hóa, các tác giả không tiếp thu một cách thụ động mà luôn giữ tâm thế tỉnh táo, chọn lọc. Trong “Một tháng ở Nam Kỳ”, Phạm Quỳnh cảnh

báo nguy cơ “vạ Chi-na” khi người Hoa sinh sống đông đảo ở Việt Nam: “Nay nhân nói về khách Hải Phòng, chỉ muốn so sánh qua cái số người Tàu trong nam ngoài bắc, cho biết cái vạ Chi-na ở hai xứ hơn kém nhau thế nào. Song dù hơn, dù kém, dù ít, dù nhiều, cũng vẫn là một cái vạ lớn cho nước Nam mình, quốc dân ta nên sớm tỉnh ngộ mà mưu trừ đi, mới mong có ngày thu phục được mỗi thương quyền mà ra tranh đua trên thị trường thế giới” [10; tr.76]. Cũng với tinh thần dung hòa, ông cho rằng quốc văn cần được phát triển song hành giữa truyền thống và hiện đại, phê phán cả “bộ phận Nho học cổ hủ” lẫn “trí thức tân thời... khinh rẻ tiếng An Nam” [10; tr.93]. Như vậy, cuộc đối thoại văn hóa không dừng lại ở việc tiếp nhận thuần túy mà còn là sự tự phản tỉnh, hướng tới mục tiêu bảo tồn và khẳng định bản sắc văn hóa của dân tộc.

Bên cạnh việc đối thoại với văn hóa phương Tây, một số sáng tác du kí giai đoạn này cũng thể hiện tính liên văn hóa trong việc đối thoại với văn hóa truyền thống của dân tộc buổi giao thời. Các bài viết trên *Nam Phong tạp chí*, *Đông Dương tạp chí*, *Phụ nữ tân văn*... với đề tài du ngoạn, ngợi ca cảnh sắc quê hương phản ánh tiếng nói đồng thuận về niềm tự hào dân tộc. Đồng thời, quá trình đối thoại văn hóa trở nên sôi nổi khi các tác giả quan sát, phê bình những biểu hiện lệch chuẩn trong đời sống tín ngưỡng và sinh hoạt xã hội. Trên *Đông Dương tạp chí*, nhiều bài viết đã phê phán các hành vi phản văn hóa tại lễ hội như: “hàng trăm hàng ngàn phụ nữ đi cầu tự tranh nhau, xéo đạp, chửi nhau; món ăn xung quanh rất những cá bốc mùi tanh tưởi bên cạnh tượng Phật; các me Tây đi chùa có sư trẻ (“sư ông non” theo từ dùng của tác giả) dẫn đi, vừa đi vừa nô đùa sảng sặc; “đi lễ chùa chiến là chỗ các bà ganh nhau tốn kém, mà mấy sư ông vả lại cũng chưa quên hẳn sự đời” [4; tr.67]. Thực tế, đây là một góc nhìn tiên bộ có giá trị đến ngày nay, khi mà các vấn đề phản văn hóa đó vẫn tiếp diễn. Hay tác giả Nguyễn Thị Kiêm đã thẳng thắn phê phán những thói xấu trong lối sống của người thủ đô: “Cách Hà Nội chừng hai cây số ngàn, có xóm Khâm Thiên, đây là xóm ả đào, xóm đặng- xinh (dancing), chiều tối nào cũng tấp nập khách chơi, xe cộ... Thanh niên Hà Thành rất có nhiều sự quyến rũ (tentations) chung quanh mình. Ở đất ngàn năm văn vật này, phong cảnh hữu tình có thể đúc ra những óc lãng mạn mà cuộc chơi của thành phố ánh sáng đang chờ chờ để lôi cuốn, thâm nhập, rồi nhả ra những tâm hồn bạc nhược chẳng có khí phách, chẳng có cái tinh thần mạnh mẽ đáng gọi là tinh thần thanh niên” [5; tr. 15]. Những nhận định ấy thể hiện rõ tính đối thoại văn hóa rõ nét khi các tác giả vừa tiếp nhận tinh thần mới, vừa phản tỉnh về giá trị truyền thống. Như vậy, du kí đầu thế kỉ XX không chỉ là tiếng nói tự hào dân tộc mà còn là diễn đàn phản tỉnh, góp phần điều chỉnh và nâng cao ý thức giữ gìn truyền thống văn hóa của dân tộc.

3.3. Đối thoại - nhận thức sự khác biệt văn hoá trong các chuyến du hành ra nước ngoài

Quá trình đối thoại văn hóa nảy sinh ở 02 trường hợp: khi các nhà văn đi ra nước ngoài, chứng kiến sự khác biệt văn hóa và khi các nhà văn du ngoạn trong nước, chứng kiến những sự thay đổi trong văn hóa nước nhà. Du kí không đợi đến thế kỉ XX mới mang đặc trưng về giao thoa văn hóa, nhưng cách phản ánh của các tác giả giai đoạn này đã thay đổi rõ rệt so với thế kỉ trước.

Cùng là công du ra nước ngoài, song từ Phạm Phú Thứ (thế kỉ XIX) đến Phan Tấn

Tạo, Phạm Quỳnh (đầu thế kỉ XX), góc nhìn đã biến chuyển sâu sắc [9; tr.78]. Phạm Phú Thứ ghi chép với tinh thần quan sát hiện tượng, dùng nhãn quan triết học phương Đông để đánh giá những điều mắt thấy tai nghe mà chưa lý giải được bản chất văn hóa Tây phương. Từ vị trí nữ giới đến các bức phù điêu khỏa thân, từ lối sống thường nhật (uống trà đường, quét dọn đường sá mỗi ngày, đèn điện sáng rực mỗi tối...) đến cơ sở vật chất, thể chế xã hội (nhà cửa, bệnh viện, nghị viện...) đều được ông mô tả, nhưng chỉ như sự ghi nhận rằng ở nước ta chưa có những hình thức ấy.

Bước sang thế kỉ XX, du kí Việt Nam có bước phát triển rõ rệt khi cách ghi chép và đánh giá hiện thực trở nên sâu sắc, hiện đại hơn. Trong “Đi tàu bay” [9; tr.78], Phan Tấn Tạo đã miêu tả sinh động cảm giác khi di chuyển bằng phương tiện rất mới mẻ, lạ lẫm - tàu bay. Với hiểu biết về cấu tạo và nguyên lý vận hành, ông không chỉ ghi lại cảm xúc lạ lẫm mà còn lí giải chúng một cách khoa học: “... Vậy thì trước khi lên tàu xin các ông bà đội mũ (casque pour aviateur), đeo kính, quàng khăn cổ, mặc quần áo dạ hay quần áo lông, đi bít tất tay, đi giày da hay ủng mà trong có lông... Ở trên trời xanh tốt, gió thổi hiu hiu, xin các ông bà ngồi cho ngay và vững để cho tôi quay máy (moteur) chạy. Máy chạy thì cánh quạt (hélice) quay ngay, rồi tàu bắt đầu chạy ở trên mặt đất độ hai trăm thước...” [9; tr.79]. Sự đối thoại văn hóa thể hiện ở việc ông tiếp nhận những yếu tố văn minh phương Tây và sử dụng thuật ngữ Pháp để chuyển tải tri thức mới, thể hiện sự đồng thuận với quá trình du nhập văn hóa: “Nhờ ơn từ khi Quan Toàn quyền Albert Sarraut cai trị và khai sáng cõi Đông Dương, nhiều các ông bà người Nam ta đã trông thấy tàu bay, bay lượn ở trên thanh không các xứ ta.” [9; tr.78]. Tương tự, du kí của Phạm Quỳnh cũng thể hiện tinh thần tiếp nhận ấy. Trong “Thuật chuyện du lịch ở Paris” [9; tr.312], ông dùng những từ thể hiện thái độ tôn trọng như “quý ngài”, “quý quốc”, “Đại Pháp”. Tuy còn nhiều tranh luận về tư tưởng, song xét từ góc độ tiếp nhận văn hóa, đây là biểu hiện của sự chấp thuận chủ động. Với sự thông thạo tiếng Pháp, văn hóa Pháp và cơ hội làm việc với các chính khách cùng giới nghiên cứu, Phạm Quỳnh có tầm đón đợi vững chắc hơn so với Phạm Phú Thứ ở thế kỉ trước. Cách đối thoại văn hóa của Phạm Quỳnh là chủ động tiếp nhận. Ông quan niệm: “Mình sang đây là để xem người, không phải để cho người xem mình” [10; tr.427]. Vì thế, những trang du kí của Phạm Quỳnh đều đứng trên quan điểm tiếp nhận văn hóa trong quá trình đối thoại, chủ động trong quá trình giao lưu và tiếp nhận văn hóa mới.

3.4. Trải nghiệm và đối thoại văn hoá qua điểm nhìn của người kể chuyện

Trong tác phẩm du kí, người kể chuyện thường là nhân vật mang trong mình nhiều chức năng, vừa là người phát ngôn chính trong tác phẩm, vừa có thể là chủ thể sáng tạo, là người du khách, nhân vật chính, hoặc nhân vật trữ tình... Họ không chỉ ghi chép những điều “mắt thấy tai nghe” mà còn thể hiện quan điểm, điểm nhìn của mình về các vấn đề văn hóa - lịch sử. Do kết cấu linh hoạt của thể loại, người kể chuyện trở thành nhân vật trải nghiệm, thường sử dụng ngôi kể thứ nhất hoặc kết hợp linh hoạt với ngôi thứ ba, tạo khả năng dịch chuyển điểm nhìn trần thuật linh động, đa dạng từ trong ra ngoài và ngược lại, từ đó góp phần tái hiện sinh động các trải nghiệm văn hóa và làm nổi bật tính đối thoại liên văn hóa. Trong mạch đối thoại với văn hóa dân tộc, Nguyễn Đôn Phục với tư duy của một nhà nho tân thời đã thể hiện cách nhìn vừa truyền thống vừa hiện đại trong các tác phẩm du kí như:

Bài kí chơi Cổ Loa, Cuộc xem cổ tích miền Hải Dương, Cuộc đi quan phong làng Thượng Cát, Cuộc chơi Sài Sơn... Nguyễn Đôn Phục có thể nói là tác giả có tài năng trong việc vận dụng linh hoạt việc dịch chuyển điểm nhìn và vai kể. *Bài kí chơi Cổ Loa* là một tác phẩm tiêu biểu cho lối kể linh hoạt khi tác giả chuyển đổi linh hoạt vai kể giữa “tôi” và người kể vô danh, khiến câu chuyện lịch sử đan xen tự nhiên với hành trình du ngoạn. Sự thay đổi điểm nhìn giúp giọng điệu và không gian - thời gian trần thuật sinh động hơn, đồng thời khắc họa cuộc đối thoại giữa con người đương thời với quá khứ văn hóa dân tộc, khi thì đau đớn, xót xa, khi lại mỉa mai, chua xót. Chính cách tổ chức vai kể chuyện và điểm nhìn trần thuật như vậy đã góp phần thể hiện tính kết nối liên văn hóa giữa những vấn đề của quá khứ và hiện tại trong nội tại nền văn hóa dân tộc. Ở góc độ ngược lại, trong hành trình bước ra thế giới, đối thoại với nền văn hoá khác của các nhà du kí, nhân vật người kể chuyện trong du kí Việt Nam đầu thế kỉ XX lại thiên về điểm nhìn chủ quan bên trong để nhìn nhận, đánh giá về các nền văn hóa ngoại biên. Từ lăng kính của một người Việt, người kể chuyện trong tác phẩm du kí thời kì này đã khám phá và tiếp nhận các vấn đề xã hội - văn hóa - phong tục của các quốc gia từ Đông sang Tây, tạo nên một không khí đối thoại đa chiều giữa văn hóa Việt và văn hóa ngoại biên. Điều này có thể thấy trong hàng loạt các tác phẩm như: *Pháp du hành trình nhật ký* (Phạm Quỳnh), *Trên đường Nam Pháp* (Trọng Toàn), *Mười tháng ở Pháp* (Phạm Văn Anh), *Đi Tây* (Nhất Linh), *Ai Lao hành trình* (Trần Văn Huyền), *Du lịch xứ Lào* (Phạm Quỳnh), *Hạn mạn du ký* (Nguyễn Bá Trác), *Một chuyến đi* (Nguyễn Tuân), *Tôi thảo khoán hay là: Ba tháng ở Trung Hoa* (Lê Văn Trương)... Điểm nhìn trần thuật trong hầu hết các tác phẩm này là điểm nhìn đơn tuyến, chịu sự chi phối của thân thể cũng như mục đích của cuộc du hành. Ví dụ, trong *Mười tháng ở Pháp*, Phạm Văn Anh xuất phát từ tinh thần “đi cho biết đó biết đây” đã tập trung điểm nhìn của mình vào những vùng không gian của những khu nhà ổ chuột, những khu phố của những kẻ nghiện ngập hay nơi ở của những người nghèo khó... Ngược lại, Phạm Quỳnh, với tư cách học giả, chính khách tham dự hội chợ triển lãm Marseille và đại diện cho Hội Khai trí Tiến Đức của Việt Nam diễn thuyết trước các viện khoa học, các tổ chức xã hội cũng như công chúng Pháp trong chuyến *Pháp du hành trình nhật ký* lại hướng điểm nhìn đến những không gian mang tính trang trọng, chính trị và hào hoa của nước Pháp với mục đích “quan sát được điều gì hay, khi trở về sẽ biên tập thành sách để cống hiến các đồng bào” [8; tr.253].

Như vậy, dù lựa chọn điểm nhìn nào, người kể chuyện trong các tác phẩm du kí đầu thế kỉ XX đều đã thu nhận vào tầm đón nhận văn hóa của mình những nét mới mẻ, độc đáo hoặc xa lạ, từ đó, tạo nên mối quan hệ qua lại, tương tác, đối thoại và phản chiếu giữa văn hóa Việt với các nền văn hóa khác nhau trên thế giới.

3.5. Sự đồng hiện giữa các nền văn hoá qua tính hỗn dung của ngôn ngữ và phong cách biểu đạt

Đầu thế kỉ XX, du kí Việt Nam phản ánh rõ quá trình vận động và tiếp biến ngôn ngữ, thể hiện tính hỗn dung qua sự đồng hiện, va chạm và đối thoại giữa các nền văn hóa trong xã hội Việt Nam. Trước hết, đó là sự chuyển dịch từ du kí chữ Hán sang du kí quốc ngữ.

Văn phong và phong cách viết của du kí giai đoạn này vẫn chịu ảnh hưởng sâu sắc từ quan điểm thẩm mỹ của tầng lớp nho sĩ, thể hiện qua lối văn biền ngẫu và việc sử dụng nhiều từ Hán Việt - biểu hiện của xu hướng chuộng tính đăng đối và cổ điển. Nguyễn Đôn Phục là tác giả tiêu biểu cho phong cách ấy, thể hiện rõ sự uyển chuyển trong việc vận dụng ngôn ngữ Hán Việt cùng hệ thống điển tích, điển cố. Trong *Bài kí chơi Cổ Loa*, ông viết: “Cổ Loa thành quách uốn khúc, gập ghềnh như vẩy rồng, dấu xưa hầy còn, khí thiêng chưa tắt. Nhớ chuyện An Dương Vương xây Loa Thành, lấy nỏ thần giữ nước, oai linh một thuở, mà cơ trời đổi dời, vận nước điêu linh.” [7; tr.209]. Lối văn biền ngẫu kết hợp hình ảnh gắn với truyền thuyết An Dương Vương giúp Nguyễn Đôn Phục tái hiện sinh động vẻ đẹp cổ kính, trầm buồn của Cổ Loa, đồng thời tạo nên không gian giao thoa đầy tính đối thoại giữa lịch sử, truyền thuyết và trải nghiệm cá nhân, vừa thâm đậm màu sắc huyền thoại vừa có giá trị khảo cứu rất cao.

Ngược lại các tác giả theo hệ tư tưởng Tây phương lại chú trọng đến phong cách hiện đại, tự nhiên và giản dị, sử dụng triệt để ngôn ngữ thuần Việt, gần với lời nói hằng ngày. Từ góc độ này, Phạm Quỳnh là tác giả tiêu biểu với khát vọng thoát khỏi ảnh hưởng của chữ Hán. Trong *Một tháng ở Nam Kỳ*, ông viết: “Song dù hơn, dù kém, dù ít, dù nhiều, cũng vẫn là một cái vạ lớn cho nước Nam mình, quốc dân ta nên sớm tỉnh ngộ mà mưu trừ đi, mới mong có ngày thu phục được mỗi thương quyền mà ra tranh đua trên thị trường thế giới.” [8; tr.76]. Phạm Quỳnh sử dụng ngôn ngữ giản dị, thuần Việt kết hợp cấu trúc lặp, nhấn mạnh “dù hơn, dù kém, dù ít, dù nhiều...” mang tính khẩu ngữ hiện đại, qua đó thể hiện ý thức, sự khao khát thoát ly chữ Hán và góp phần mở đường cho phong cách ngôn ngữ hiện đại trong du kí. Tuy vậy, quá trình này lại gặp không ít khó khăn. Bởi trong nhiều sáng tác của mình, các tác giả du kí vẫn sử dụng một khối lượng không nhỏ từ Hán Việt. Các tác giả sử dụng âm Hán, từ Hán nhằm miêu tả sự hùng vĩ, mỹ lệ của thiên nhiên như trong văn chương cổ; hay để dịch lại tên di tích bằng chữ Hán được phiên âm như Hồng Vân Sơn (紅雲山), Ma Khảm Sơn (麻龕山), Đông Sơn (東山), Bát Vạn Sơn (八萬山), Phật Tích Sơn (佛跡山)... Đây cũng là một đặc điểm nổi bật của liên văn hóa trong du kí Việt Nam đầu thế kỉ XX. Sự khác biệt trong cách sử dụng ngôn ngữ của các kí giả giai đoạn này cho thấy những quan niệm tiếp nhận văn hoá đa dạng, đồng thời khẳng định tính đối thoại và dung hòa giữa truyền thống - hiện đại, Đông - Tây trong văn học đặc biệt là du kí đầu thế kỉ XX.

Không dừng lại ở đó, các nhà du kí đầu thế kỉ XX tích cực vay mượn và tích hợp yếu tố tiếng Pháp vào sáng tác, biến ngôn ngữ ngoại lai thành thủ pháp nghệ thuật giàu tính sáng tạo. Nguyễn Bá Trắc là tác giả tiêu biểu cho sự giao thoa ấy. Trong *Một lần khách An Nam ở đất Pháp*, ông viết: “Từ ga (gare) Lyon, tôi ra ngoài đường cái rộng thênh thang, những boulevard rợp bóng cây...” [15; tr.426]. Việc sử dụng song song tiếng Việt và tiếng Pháp đã tạo nên một không gian ngôn ngữ lai ghép, giúp người đọc vừa tiếp nhận khái niệm mới vừa học cách nội địa hoá các ngôn ngữ ngoại lai. Hay trong

Hạn mạn du ký, ông lại kết hợp linh hoạt giữa văn phong cổ điển “Núi xanh như gấm, nước biếc như ngọc” với lối viết hiện đại “điện quang soi sáng khắp bến tàu” [16; tr. 214] mang đậm màu sắc Tây phương, thể hiện rõ tinh thần đối thoại giữa truyền thống và hiện đại.

Về phương thức biểu đạt, các tác giả du kí giai đoạn này có sự ảnh hưởng bởi văn chương Pháp cận hiện đại. Đây là một biểu hiện nổi bật mang dấu ấn liên văn hóa. Trong *Pháp du hành trình nhật ký*, Phạm Quỳnh đã biểu hiện một lối du kí mang sắc thái gần với văn chương Pháp cận hiện đại khi đặt trọng tâm vào trải nghiệm chủ thể hơn là thông tin địa lý. Ngay khi đến Paris, ông không mô tả cấu trúc đô thị mà gắn cảnh vật với cảm giác nội tâm: “Vừa đặt chân xuống Paris, tôi thấy như mở mắt ra một cõi đời khác: khí trời nhẹ, nắng tươi, lòng người tự nhiên vui vẻ” [8; tr.14]. Bút pháp này tương đồng với phong vị ấn tượng của Pierre Loti, người viết về Istanbul: “Thành phố mở ra như một ảo ảnh lung linh, không phải để tả mà để cảm” [22]. Khi thăm Versailles, Phạm Quỳnh tiếp tục thiên về suy tưởng: “Cái đẹp ở đây như một sự thâm thi... khiến người ta nghĩ đến nỗi phù hoa và lẽ biến dịch của loài người” [8; tr. 56] gợi nhớ Gide trong *Journal* (1893): “Cảnh vật chỉ đáng kể khi nó khơi dậy trong tôi một ý nghĩ về chính mình” [19]. Nhờ lối diễn đạt ấy, du kí của Phạm Quỳnh cho thấy sự tiếp nhận tinh tế thi pháp hiện đại Pháp, nơi hành trình trở thành cơ hội khám phá bản ngã.

Như vậy, du kí đầu thế kỉ XX không chỉ phản ánh quá trình chuyển hóa ngôn ngữ dân tộc mà còn đặt nền móng cho sự hình thành tiếng Việt hiện đại. Trong thể loại này, các ngôn ngữ đại diện cho văn hóa nội tại và ngoại lai cùng tồn tại hài hòa, thể hiện rõ tính đối thoại và bình đẳng giữa truyền thống (chữ Hán) - hiện đại (chữ quốc ngữ), giữa phương Đông (tiếng Việt, tiếng Hán) - phương Tây (tiếng Pháp). Cách vận dụng ngôn ngữ của các nhà du kí đầu thế kỉ XX tuy chưa đạt đến tinh thần toàn cầu hóa - một đặc trưng của liên văn hóa, nhưng đã cho thấy khả năng tiếp nhận sự đa tầng về văn hóa của giới trí thức Việt Nam, tạo nền tảng quan trọng cho sự phát triển liên văn hóa của văn học Việt Nam sau này.

4. KẾT LUẬN

Nghiên cứu đã tìm hiểu và chỉ ra những biểu hiện nổi bật của tính liên văn hóa trong du kí Việt Nam đầu thế kỉ XX, thể hiện qua sự giao thoa, tiếp biến và đối thoại giữa các nền văn hóa Đông - Tây. Trên bình diện nội dung, các tác phẩm du kí không chỉ phản ánh quá trình tiếp xúc và nhận thức của người Việt trước văn minh phương Tây mà còn thể hiện ý thức khẳng định bản sắc dân tộc trong bối cảnh hiện đại hóa. Trên phương diện nghệ thuật, sự vận động và kết hợp linh hoạt giữa các hình thức ngôn ngữ (chữ Hán, quốc ngữ, tiếng Pháp), điểm nhìn và giọng điệu đã tạo nên tính đa thanh, đa tầng trong diễn ngôn du kí. Từ đó có thể khẳng định, du kí đầu thế kỉ XX là một hiện tượng văn học mang giá trị chuyển tiếp, vừa kế thừa truyền thống, vừa mở đường cho văn xuôi hiện đại Việt Nam. Nghiên cứu

này góp phần khẳng định vị trí và vai trò của du kí trong tiến trình hiện đại hóa văn học dân tộc, đồng thời mở ra hướng tiếp cận mới về việc áp dụng lí thuyết liên văn hóa trong phân tích các thể loại văn học khác và sự tác động của giao thoa văn hóa đến nghệ thuật cũng như tư tưởng văn học đương đại Việt Nam trong quá trình hội nhập.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Lê Tú Anh (2009), *Bán đảo Đông Dương - Giao lưu khu vực và quốc tế đầu thế kỷ XX qua du ký của Phạm Quỳnh*, Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế Vietnam and the Oriental Cultural Exchanges (Việt Nam - Giao lưu văn hóa tư tưởng phương Đông), Nxb. Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, tr.917-925.
- [2] Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi (2000), *Từ điển thuật ngữ văn học*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
- [3] Nguyễn Thị Thúy Hằng (2009), *Giá trị văn hóa và văn học của du ký (khảo sát qua sách Du ký Việt Nam*, Tạp chí Khoa học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, (25), tr.63-71.
- [4] Nguyễn Thị Thúy Hằng (2015), *Văn du ký nửa đầu thế kỷ XX và quá trình hiện đại hóa văn học*, Luận án Tiến sĩ Khoa học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [5] Nguyễn Thị Kiêm (1934), *Thành phố Hà Nội với mấy cảm tưởng đầu*, Tạp chí Phụ nữ tân văn (265), tr.13-15.
- [6] Nguyễn Hữu Lễ (2015), *Vấn đề thể tài du ký Việt Nam nửa đầu thế kỷ XX*, Tạp chí Nghiên cứu văn học (5), tr.104-115.
- [7] Nguyễn Đôn Phục (1924), *Bài kí chơi Cổ Loa*, Nam Phong tạp chí, số 87, tr.203-216.
- [8] Nguyễn Hữu Sơn (sưu tầm và biên soạn) (2013), *Phạm Quỳnh - tuyển tập du ký*, Nxb. Tri thức, Hà Nội.
- [9] Nguyễn Hữu Sơn (2007) (sưu tầm và giới thiệu), *Du ký Việt Nam tập 1*, Nxb. Trẻ, Hà Nội.
- [10] Nguyễn Hữu Sơn (2007) (sưu tầm và giới thiệu), *Du ký Việt Nam tập 3*, Nxb. Trẻ, Hà Nội.
- [11] Nguyễn Hữu Sơn (2011), *Du ký của người Việt Nam viết về các nước và và những đóng góp vào quá trình hiện đại hóa văn xuôi tiếng Việt giai đoạn thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX*, In trong *Văn học cận đại Đông Á từ góc nhìn so sánh* (Đoàn Lê Giang chủ biên), Nxb. TP. Hồ Chí Minh, TP. Hồ Chí Minh.
- [12] Trần Đình Sử (2012), *Lí luận văn học*, Nxb. Đại học Sư phạm, Hà Nội.
- [13] Trần Nho Thìn (2014), *Đối thoại liên văn hóa trong thời đại toàn cầu hóa và vấn đề tiếp nhận lý luận văn học phương Tây ở Việt Nam*, Tạp chí Nghiên cứu văn học (10), tr.43-56.
- [14] Nguyễn Hữu Tình, Lê Minh Kha (2021), *Tích hợp văn hóa - phương pháp tiếp cận tác phẩm văn học sáng tạo*, Tạp chí Khoa học Giáo dục và công nghệ, tập 10, số 3.
- [15] Nguyễn Bá Trác (1919), *Một người An Nam ở đất Pháp*, Nam Phong tạp chí, số 26.
- [16] Nguyễn Bá Trác (1919), *Hạn mạn du ký*, Nam Phong tạp chí, số 22.
- [17] Nguyễn Tuân (1941), *Một chuyến đi*, Nxb. Tân dân, Hà Nội.

- [18] Aksenova, M. V. (2018), *Travelogue: Travelling of the genre and the genre of travelling*. Actual Problems of Philology and Pedagogical Linguistics, 3(31), 170-176
- [19] André Gide (1893), *Journal*, NRF - Gallimard, Paris.
- [20] Choe Huyndok (2008), *Triết học liên văn hóa - khái niệm và lịch sử* (Lương Mỹ Vân dịch), Tạp chí Triết học (2), tr.20.
- [21] Nikulin N.I. (1986), *Sự phản ánh những mối giao tiếp văn hóa với châu Âu trong văn học Việt Nam thế kỉ XVII đến giữa thế kỉ XIX*, Tạp chí Văn học (6), tr.83-95.
- [22] Pierre Loti (1879), *Aziyadé*, Calmann-Lévy, Paris.
- [23] Plavina, A. A. (2019), *Travelogue genre characteristics in the English discourse: Dynamic aspect*. Philological Sciences. Questions of Theory and Practice, 12(3), 72-78.
- [24] Zalomkina, G. V. (2023), *Transformations of the travelogue genre in the essays by A. Ulanov*. Semiotic Studies, 3(2), 46-54.

INTERCULTURAL TRACES IN EARLY TWENTIETH-CENTURY VIETNAMESE TRAVELOGUES

ABSTRACT

The article applies intercultural theory to analyze the cultural interchanges reflected in early 20th-century Vietnamese travelogues. Based on a theoretical overview of travelogues and interculturality, the study highlights the processes of dialogue, reception, and cultural reflection evident in representative works. Travelogues of this period not only mirror Vietnamese awareness upon encountering Western cultures but also express a conscious sense of national identity. Artistically, the diversity of narrators, perspectives, and languages (Han characters, Vietnamese alphabet and French) demonstrates hybridity, dialogue, and creativity. Consequently, early 20th-century travelogues became an open cultural space reflecting integration and laying the foundation for the modernization of Vietnamese literature.

Keywords *interculturality; traces; travelogues; cultural dialogue; early 20th-century Vietnam.*

* Ngày nộp bài: 14/11/2025; Ngày gửi phản biện: 24/11/2025; Ngày duyệt đăng: 25/12/2025